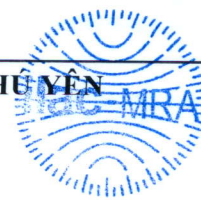




**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**  
**PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT**

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.  
 Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



VILAS 746

Số: 159 - 2026/KQ

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Ngày : 01/07/2026  
 Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Bể chứa NMN Vũng Rô
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 17B09/26
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 18/06/2026
- Thời gian thử nghiệm : Từ ngày 18/06/2026 đến ngày 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCDP 01:2023/PY	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW 2150:2023 SMEWW2160:2023	Không có mùi, không vị lạ	Không có mùi, không vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	6 - 8,5	7,41
3	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B:2023	2	0,91
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	0,04
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN 6194:1996	250	14,99
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN 6224:1996	300	18,47
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN 6178:1996	0,05	KPH (LOQ = 0,005)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN 6185C:2015	15	5,05
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	SMEWW 2540C:2023	1000	53
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	0,30
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	< LOQ = 3,35
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN 6002:1995	0,1	KPH (LOQ = 0,027)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN 6186:1996	2	0,81
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	0,3	KPH (LOQ = 0,01)
15	Clo tự do (*)	mg/l	TCVN 6225-2:2021	0,2 - 1,0	0,66
16	Coliform (*)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	KPH



**PHÒNG GIÁM ĐỐC**

**P. PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT**

**BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM**

*(Signature)*  
**Nguyễn Loan Thuần**

*(Signature)*

**Võ Bá Duy Huân**

*(Signature)*

**Trần Quang Vinh**

Ghi chú:  
 - (\*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận  
 - LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện  
 - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.

Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



VILAS 746

Số: 160 - 2026/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày : 01/07/2026

Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Hộ dân khu vực cảng Vũng Rô
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 18M<sub>1</sub>09/26
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 18/06/2026
- Thời gian thử nghiệm : Từ ngày 18/06/2026 đến ngày 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCDP 01:2023/PY	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW 2150:2023 SMEWW2160:2023	Không có mùi, không vị lạ	Không có mùi, không vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	6 - 8,5	7,51
3	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B:2023	2	0,91
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	0,04
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN 6194:1996	250	15,66
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN 6224:1996	300	17,44
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN 6178:1996	0,05	KPH (LOQ = 0,005)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN 6185C:2015	15	5,25
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	SMEWW 2540C:2023	1000	50
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	0,33
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	< LOQ = 3,35
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN 6002:1995	0,1	KPH (LOQ = 0,027)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN 6186:1996	2	0,74
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	0,3	KPH (LOQ = 0,01)
15	Clo tự do (*)	mg/l	TCVN 6225-2:2021	0,2 - 1,0	0,51
16	Coliform (*)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	KPH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM



*(Handwritten signature)*

Võ Bá Duy Huân

*(Handwritten signature)*

Trần Quang Vinh

Ghi chú: Nguyễn Loan Loan

- (\*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KHKT.02.02

Ban hành lần 06

Ngày ban hành: 15/07/2024



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.

Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



VILAS 746

Số: 161 - 2026/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 01/07/2026

Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Cuối tuyến Bãi Ngà - NMN Vũng Rô
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 19M<sub>2</sub>09/26
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 18/06/2026
- Thời gian thử nghiệm : Từ ngày 18/06/2026 đến ngày 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCDP 01:2023/PY	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW 2150:2023 SMEWW2160:2023	Không có mùi, không vị lạ	Không có mùi, không vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	6 - 8,5	7,31
3	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B:2023	2	1,02
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN 6177:1996	0,3	0,04
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN 6194:1996	250	14,65
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN 6224:1996	300	17,70
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN 6178:1996	0,05	KPH (LOQ = 0,005)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN 6185C:2015	15	5,55
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	SMEWW 2540C:2023	1000	50
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN 6180:1996	2	0,35
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	< LOQ = 3,35
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN 6002:1995	0,1	KPH (LOQ = 0,027)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN 6186:1996	2	0,94
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	0,3	KPH (LOQ = 0,01)
15	Clo tự do (*)	mg/l	TCVN 6225-2:2021	0,2 - 1,0	0,40
16	Coliform (*)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	KPH



PHÓ TỌNG GIÁM ĐỐC

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

*Nguyễn Xuân Hoàn*  
Ghi chú: Nguyễn Xuân Hoàn

*Võ Bá Duy Huân*  
Võ Bá Duy Huân

*Trần Quang Vinh*  
Trần Quang Vinh

- (\*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH: Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử